

Số: 85/2021/QĐST-HNGĐ

T, ngày 28 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 564/2020/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con, tài sản chung”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn A, huyện T, Đ.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, Đ.

Căn cứ vào Điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị H thống nhất có 03 con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 15/7/2006; Nguyễn Cẩm G, sinh ngày 05/9/2007; Nguyễn Thúy V, sinh ngày 07/5/2010, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh

L và chị H thống nhất chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Quốc D, Cẩm G, Thúy V. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở cho mỗi con chung, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết (*Kèm theo Tờ thỏa thuận ngày 19/4/2021*).

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh L nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tự nguyện nộp thay cho chị H 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Tổng cộng anh L nộp 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0006672, ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng.

Hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.538.500 đồng (Mười triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011663, ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị H được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã A (nơi đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu HSVA, (Thái).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Dũng